

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 952/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 08 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Khánh L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: B5/14A kp2, thị trấn TT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1973.

Địa chỉ: B5/14A kp2, thị trấn TT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 08 năm 2020, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Bà Lưu Khánh L trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành Tr chung sống vợ chồng từ năm 1993 có kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 208/ĐKTH, Quyền số 01/1993, ngày 14/10/1993 tại Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh cấp – căn cứ theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn trích lục ngày 22 tháng 06 năm 2015 do Phòng tư pháp huyện B thành phố Hồ Chí Minh cấp. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là xảy ra mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, ông Tr không tôn trọng bà trong quan hệ tình cảm vợ chồng, mặc dù bà cũng đã khuyên ông Tr nhiều lần nhưng ông Tr không quan tâm không thay đổi, nên từ đó bà bị trầm cảm về mặt tâm lý, rất sợ khi gần gũi ông Tr, mặc khác ông Tr cũng đã nhiều lần nghi

ngờ ghen tuông vô cơ đánh đập bà làm bà rất lo sợ do đó từ năm 2020 bà đã phải bỏ trốn nhà không dám cho ông Tr gặp.

Nay bà xác định tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án xử cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/03/1994 (hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng) và trẻ tên Nguyễn Lưu Ngọc H, sinh ngày 23/12/2003, nay ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung trẻ Nguyễn Lưu Ngọc H. Bà L không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và Biên bản hòa giải đã trình bày như sau:* Ông Tr không đồng ý ly hôn, ông cũng xác định chung sống với Bà L có đăng ký kết hôn và có 2 con chung là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống ông cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là đúng nhưng mâu thuẫn nhỏ nguyên nhân do Bà L làm đổ nợ nhiều lần ông phải trả nợ cho Bà L, theo ông được biết hiện nay Bà L nghe theo lời người khác xúi dục nên tự ý bỏ nhà trốn đi không cho ông biết địa chỉ, sau đó Bà L về nhà đòi ly hôn, mặc dù ông đã khuyên bảo và năn nỉ nhưng Bà L không nghe. Tuy nhiên ông vẫn còn rất thương vợ nên ông không muốn ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là trẻ tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/03/1994 (hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng) và trẻ tên Nguyễn Lưu Ngọc H, sinh ngày 23/12/2003. Về việc nuôi con thì ông xác định chấp nhận thống nhất theo ý kiến của trẻ H. Về cấp dưỡng ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Lưu Khánh L vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, giữ nguyên các yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung. Bà L có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình xét xử tại các cấp Tòa án theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Thành Tr vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Ông Tr cũng đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình xét xử tại các cấp Tòa án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn Bà Lưu Khánh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Nguyễn Thành Tr. Yêu cầu này được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn Ông Nguyễn Thành Tr hiện đang cư trú tại B5/14A kP2, thị trấn TT, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của Bà Lưu Khánh L được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quan hệ hôn nhân giữa Bà L và ông Tr có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 208/ ĐKTH, Quyền số 01/1993, ngày 14/10/1993 tại ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hồ Chí Minh cấp – căn cứ theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn trích lục ngày 22 tháng 06 năm 2015 do Phòng tư pháp huyện B cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lưu Khánh L và bị đơn ông Lê Văn Hiệp đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình xét xử tại các cấp Tòa án. Căn cứ các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Lưu Khánh L về việc ly hôn với ông Nguyễn Thành Tr là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như phần trình bày của các bên đương sự, nhận thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng giữa Bà L và ông Tr đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân các mâu thuẫn này chủ yếu là về tình cảm và quan hệ vợ chồng nên đã phần nào gây ảnh hưởng về mặt tâm lý cho các bên như vậy là trầm trọng mặc dù hai bên cũng đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Xét thấy việc chung sống vợ chồng là phải xuất phát từ tình cảm cả hai bên thì gia đình mới thật sự hạnh phúc, nhưng phía Bà L khẳng định không còn tình cảm với ông Tr và cương quyết xin ly hôn, thực tế hiện nay hai bên cũng đã sống ly thân một thời gian dài, phía ông Tr không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được phương hướng và biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của Bà L là phù hợp các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Thành Tr không đồng ý ly hôn nhưng cũng xác nhận vợ chồng có phát sinh những mâu thuẫn là đúng, hiện nay đã ly thân một thời gian đồng thời ông Tr cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà L là phù hợp.

[3.2] Xét về con chung: Có 02 con chung là trẻ tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/03/1994 (hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng) và trẻ tên Nguyễn Lưu Ngọc H, sinh ngày 23/12/2003. Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của trẻ Huy mong muốn sống cùng Bà L.

- Xét về tài sản chung: Các bên không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên xác nhận không có.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bà Lưu Khánh L phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080010, ngày 25 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Khánh L được ly hôn ông Nguyễn Thành Tr.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 208/ĐKTH, quyển số 01/1993, ngày 14/10/1993 tại Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 02 hai chung gồm: 1/ Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 17/03/1994 (hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng) không xét; 2/ Trẻ tên Nguyễn Lưu Ngọc H, sinh ngày 23/12/2003. Giao trẻ tên Nguyễn Lưu Ngọc H, sinh ngày 23/12/2003 cho bà Lưu Khánh L trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không yêu cầu giải quyết;

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Lưu Khánh L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080010 , ngày 25 tháng 08 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Bà Lưu Khánh L và ông Nguyễn Thành Tr vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc nệm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi Nhận:

- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. B;
- CCTHA DS H. B;
- UBND huyện B,
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường